

## Hai mươi nghìn tiến sĩ: Một số điều vẫn cần cân nhắc

Gần một năm qua, đã có rất nhiều bài viết về kế hoạch đào tạo 20.000 nghìn tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT). Tuy số đông bày tỏ sự băn khoăn về kế hoạch này, một đề án của Bộ GD&ĐT được dự kiến trình lên Chính phủ trong tháng 11 để sớm thực hiện từ 2008. Chắc không phải tất cả những người quan tâm đến giáo dục đều biết rằng đề án này nhằm thực hiện nghị quyết của Chính phủ số 14/2005/NQ-CP về “Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020”. Những điểm chính trong nghị quyết của Chính phủ [1] dẫn đến đề án đào tạo 20.000 tiến sĩ cho đến năm 2020 theo tôi hiểu là:

- “Mở rộng quy mô đào tạo, đạt tỷ lệ 200 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2010 và 450 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2020, trong đó khoảng 70-80% tổng số sinh viên theo học các chương trình nghề nghiệp - ứng dụng vào khoảng 40% tổng số sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập.” và
- “Đến năm 2010 có ít nhất 40% giảng viên đạt trình độ thạc sỹ và 25% đạt trình độ tiến sỹ; đến năm 2020 có ít nhất 60% giảng viên đạt trình độ thạc sỹ và 35% đạt trình độ tiến sỹ.”

Nếu như tới đây không có sự điều chỉnh các chỉ tiêu của nghị quyết này của Chính phủ, thì do đây là quyết định ở cấp cao nhất của nhà nước nên Bộ GD&ĐT và các cơ quan liên quan phải hoạt động để thực hiện. Theo tác giả Đá Chông [2] – thể hiện qua bài viết là người nắm rõ nghị quyết chính phủ, tình hình giáo dục và phát triển dân số – hiện nay trong hệ thống đại học của ta có khoảng 7.500 tiến sĩ, với số sinh viên và dân số ta sẽ có vào năm 2020, để đạt mục tiêu “35% đạt trình độ tiến sỹ” ta cần 63.000 tiến sĩ, và nếu như đến năm đó số tiến sĩ hiện nay chưa về hưu ta cần đào tạo được thêm 50.000 tiến sĩ. Kế hoạch 20.000 tiến sĩ của Bộ GD&ĐT do vậy nếu làm được cũng mới thực hiện được khoảng 40% nghị quyết của Chính phủ.

Một câu hỏi tự nhiên là *khi đã không thực hiện được 100% nghị quyết của Chính phủ thì tại sao ta lại nhằm thực hiện 40% nghị quyết (tức chỉ đào tạo 20.000 tiến sĩ, trong đó 10.000 đào tạo ở nước ngoài và 10.000 ở trong nước)*? Đọc báo lâu nay chưa thấy lý giải nào từ Bộ GD&ĐT vì sao lại là con số này, nhưng tôi nghĩ câu trả lời như sau cũng rất tự nhiên và có lý sẽ: đào tạo 10.000 tiến sĩ tại các đại học tốt nhất trong nước vì *lực ta mới làm được vậy* (nếu không ta đã đào tạo nhiều hơn để thực hiện bằng được nghị quyết Chính phủ), và đào tạo 10.000 tiến sĩ ở nước ngoài vì *tiền ta mới chỉ có vậy* (nếu không ta đã đào tạo ở nước ngoài nhiều hơn để thực hiện bằng được nghị quyết Chính phủ).

Về 10.000 tiến sĩ đào tạo ở nước ngoài, một câu hỏi không dễ trả lời là làm sao ta có đủ số thí sinh đạt yêu cầu để có thể được nhận vào các trường tốt ta muốn gửi đến đào tạo. Giả thiết là số tiến sĩ đào tạo ở nước ngoài có chất lượng tin cậy được, thì một câu hỏi quan trọng nữa cần đặt ra là chất lượng của 10.000 tiến sĩ đào tạo trong nước sẽ như thế nào? Nếu chất lượng không đạt được các tiêu chuẩn quy định nào đấy, thì chỉ nên đào tạo ra các tiến sĩ có chất lượng hay cần đạt bằng được con số 10.000 tiến sĩ? Những biện pháp nào để đảm bảo chất lượng và liệu chúng có khả thi?

### 1. Bản chất và yêu cầu của đào tạo tiến sĩ:

Trước hết nên làm rõ tại sao nền giáo dục của ta lại cần tiến sĩ và cần vào việc gì? Đào tạo sau đại học khác cơ bản với đào tạo cử nhân ở việc người được đào tạo phải đi sâu vào chuyên

ngành, gồm hai bậc thạc sĩ và tiến sĩ, trong đó bản chất của đào tạo thạc sĩ là *học chuyên sâu* còn bản chất của đào tạo tiến sĩ là *ngiên cứu*. Khác với học là việc các cá nhân và tổ chức chuyển các tri thức đã biết của con người thành các tri thức của mình, nghiên cứu là việc các cá nhân và tổ chức tìm và tạo ra các tri thức mới và có giá trị. Người tốt nghiệp tiến sĩ là người được đào tạo để có khả năng làm nghiên cứu, tức phải biết đặt ra những vấn đề có ý nghĩa nhưng chưa được giải quyết trong lĩnh vực khoa học của mình, tìm được cách giải quyết chúng, biết viết lại chúng dưới dạng các ấn phẩm khoa học để công bố và biết trình bày chúng với cộng đồng khoa học, nhất là ở các hội nghị khoa học quốc tế (tức nói chung cần biết viết và nói thành thạo tiếng Anh). Được rèn luyện những khả năng trên, người bảo vệ xong luận án tiến sĩ thường có thể làm tốt hơn việc giảng dạy và nghiên cứu. Cần chú ý rằng mỗi người vừa tốt nghiệp tiến sĩ là người mới đi chặng đầu trên con đường nghiên cứu, và sau đó nếu không tiếp tục làm nghiên cứu, các giá trị và khả năng của người tiến sĩ này sẽ mất đi rất nhiều.

Với bản chất kể trên, việc đào tạo tiến sĩ có những yêu cầu rõ ràng. Yêu cầu trước hết là người tốt nghiệp tiến sĩ phải có được một số ấn phẩm khoa học tốt để khẳng định việc mình đặt ra và giải quyết được những vấn đề có ý nghĩa, tìm ra những tri thức mới đóng góp cho lĩnh vực khoa học của mình. Tuy không viết ra các tiêu chuẩn một cách tường minh, phần lớn các đại học đều có quy ước nội bộ về những điều kiện cần của người tốt nghiệp tiến sĩ. Trong các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ, điều kiện cần để tốt nghiệp tiến sĩ thường là một bài báo ở tạp chí quốc tế và một vài bài báo ở hội nghị quốc tế có thứ hạng (chú ý là vai trò của hội nghị khoa học trong các ngành khoa học rất khác nhau, xem “Văn hóa ngành trong tiêu chí đánh giá” [3]). Một thí dụ là ở phần lớn các đại học về khoa học tự nhiên ở Trung Quốc, gần đây điều kiện cần này là tối thiểu 2 bài báo ở tạp chí hay hội nghị quốc tế có mặt trong SCI (science citation index) hoặc IE (engineering index). Điều kiện cần này chứng tỏ các đại học của Trung quốc gần đây chú ý nhiều hơn đến các công bố quốc tế, tin tưởng vào chúng nhiều hơn các tạp chí trong nước (Trung quốc có vài nghìn tạp chí trong nước nhưng chỉ vài chục có mặt trong SCI và EI). Có một vài điều cũng cần nói thêm. Một là ở nhiều đại học đẳng cấp trên thế giới, những quy định tối thiểu này có thể không có do thầy hướng dẫn – thường là những nhà khoa học giỏi, luôn giữ gìn uy tín khoa học và trách nhiệm đào tạo – là người được quyết định nghiên cứu sinh đã được tốt nghiệp hay chưa. Hai là ở nhiều nước, sinh viên quốc tế đi học với học bổng, có thể được ít nhiều cam chước so với sinh viên nước chủ nhà do thời gian của học bổng có hạn.

## 2. *Tình hình và chất lượng của đào tạo tiến sĩ của chúng ta:*

Gần hai mươi năm qua, tôi trực tiếp tham gia đào tạo tiến sĩ ngành công nghệ thông tin (CNTT) cả ở trong nước và ngoài nước (Nhật Bản), dự một số buổi thi vào làm tiến sĩ và bảo vệ luận án tiến sĩ tại Việt Nam, phản biện một số luận án tiến sĩ làm tại Singapore và Thailand, trao đổi với đồng nghiệp ở nhiều đại học Bắc Mỹ và châu Âu . Từ những thực tế này, tôi hiểu khá rõ việc đào tạo và chất lượng của luận án tiến sĩ của ta so với các nước có nền khoa học phát triển và các nước quanh ta.

Báo chí đã phân tích nhiều về chất lượng đào tạo tiến sĩ trong nước nên tôi xin không nhắc lại. Một cách tổng thể, giáo dục của ta càng lên cao chất lượng càng thấp so với các chuẩn mực thông thường trên thế giới. Ngay Bộ trưởng Bộ GD&ĐT gần đây khi trả lời trước quốc hội cũng đã thừa nhận chất lượng thấp này trong đào tạo tiến sĩ của ta (xin mở ngoặc nói thêm là sau lần chất vấn đó, rất nhiều báo đã đưa và đưa lại cái tên rất vô nghĩa: “không có gì mới thì

đừng làm tiến sĩ”. Có gì mới hay không thì phải sau khi làm mới biết, nhưng đến lúc biết rồi thì còn “đừng” gì nữa! Phải chăng cần là, “không có gì mới thì đừng cho bảo vệ tiến sĩ”). Cũng xin nói ngay là trong hoàn cảnh làm nghiên cứu còn chưa thuận lợi, nhiều nghiên cứu sinh của ta, nhất là ở những lĩnh vực không đòi hỏi nhiều thiết bị đắt tiền, đã làm ra những kết quả xuất sắc. Tuy nhiên, phần lớn người tốt nghiệp tiến sĩ ở ta còn khá xa với các chuẩn mực thông thường. Có lẽ không nhiều tiến sĩ của ta trong quá trình làm luận án đạt những kết quả công bố được tại các tạp chí quốc tế hoặc các hội nghị quốc tế tốt trong ngành. Tôi nói “có lẽ” vì chỉ quan sát được cục bộ những nghiên cứu sinh tốt nghiệp trong ngành mình, chỉ nghe các đồng nghiệp nói lại, chỉ nghe công luận lên tiếng. Chỉ có Bộ GD&ĐT là có thể đánh giá chính xác chất lượng đào tạo tiến sĩ của ta, và theo tôi Bộ GD&ĐT cũng như các cơ quan đào tạo tiến sĩ cần làm việc đánh giá này kỹ lưỡng trước một chặng đường dài 12 năm của một kế hoạch đào tạo lớn. Mấy ai không kinh ngạc và buồn cười khi đọc tên một số luận án tiến sĩ từ Website của Bộ GD&ĐT [5], như:

- “Nhận thức của công chức hành chính về việc sắp xếp lại bộ máy của cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố”.
- Nhận thức của thanh niên nông thôn về chất lượng cuộc sống gia đình hiện nay”.
- “Nghiên cứu nhu cầu điện ảnh của sinh viên”
- “Phát huy vai trò của trí thức ngành y tế Việt Nam trong công cuộc đổi mới”.
- “Lịch sử phát triển giáo dục – đào tạo ở An giang (1975 – 2000)

Nhân đây xin đề nghị ngay một việc. Ở Website này của Bộ GD&ĐT, thay vì hoặc cùng với mục “những điểm mới của luận án”, cần yêu cầu người đã tốt nghiệp tiến sĩ đưa ra một danh sách 3 bài báo chọn lọc của mình. Chỉ nhìn danh sách này là biết giá trị khoa học của luận án.

Ấn phẩm khoa học là thước đo chủ yếu của các luận án tiến sĩ, và gần đây Bộ GD&ĐT đã có các dự kiến về điều kiện cần này: “để được công nhận là tiến sĩ, các nghiên cứu sinh cũng phải có ít nhất một bài đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu của hội nghị khoa học chuyên ngành nước ngoài, một bài đăng tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong nước do cơ sở đào tạo quy định ...” [4]. Đây là một quy định quan trọng để tiêu chuẩn hóa chất lượng, đặc biệt là quy định về sự bắt buộc có bài đăng ở các tạp chí và hội nghị quốc tế. (một nhận xét nhỏ nhưng quan trọng, trong tiêu chuẩn nêu trên chữ “hoặc” nối giữa tạp chí và hội nghị cần phải thay bằng chữ “và”).

Điều cơ bản tôi muốn nhấn mạnh trong bài viết này, là với thực trạng khoa học của ta hiện nay, sẽ có một mâu thuẫn rất lớn giữa lượng và chất của việc đào tạo tiến sĩ trong nước. Theo một khảo sát của Phạm Duy Hiền [7] (một khảo sát khác gần đây của Nguyễn Văn Tuấn [] cũng cho một kết quả cơ bản trùng hợp), tất cả thầy trò và các nhà nghiên cứu của chúng ta trong 10 năm qua (1995-2004) đăng được chừng 2400 bài báo trên các tạp chí quốc tế trong đó chừng 800 bài hoàn toàn làm tại Việt Nam, tức khoảng 80 bài một năm. Giả sử mỗi bài báo trong các con số kể trên đều có ít nhất một trong số 5279 giáo sư, phó giáo sư của cả nước vào năm 2004 [9] là tác giả hay đồng tác giả, thì tính trung bình mỗi giáo sư, phó giáo sư trong 10 năm qua đăng được gần 1/2 bài ở tạp chí quốc tế, trong đó có gần 1/6 bài hoàn toàn làm trong nước (tức trung bình 20 năm mới có một bài làm chung với nước ngoài và 60 năm một bài làm trong nước). Một điều hiển nhiên là khi thầy đã không viết hoặc viết không được bài ở các tạp chí quốc tế thì nói chung làm sao thầy có thể hướng dẫn được nghiên cứu sinh làm được việc này. Có thể nói rằng, việc các nghiên cứu sinh của chúng ta – với số lượng 1000-1400 người được nhận vào mỗi năm [9] – có bài đăng ở tạp chí quốc tế theo quy định của Bộ GD&ĐT là *nhiệm vụ bất khả thi*.

Lại nói thêm một kinh nghiệm ở Trung quốc. Nhu cầu đào tạo tiến sĩ của Trung quốc cũng lớn không kém gì ta, nhưng họ dùng nhiều cách để giữ chất lượng. Trước hết, là trong số giáo sư đại học, chỉ những người được chọn lọc và chỉ định dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học, mới được quyền hướng dẫn nghiên cứu sinh. Số người này ít hơn số giáo sư rất nhiều. Ngoài ra là các điều kiện cần để tốt nghiệp vừa kể ở phần trước.

### 3. Số lượng và chất lượng: đâu là lựa chọn và ai chịu trách nhiệm?

Từ những điều nêu ở trên tôi cho là Bộ GD&ĐT cần phải cân nhắc khi xây dựng và trình lên chính phủ đề án đào tạo 20.000 tiến sĩ.

Theo số liệu của Bộ GD&ĐT, hiện nay ta có 139 đại học, trong đó 30 đại học tư và 49 đại học mới được thành lập trong vòng một năm qua. Trên thế giới, các đại học thường được chia ra nhiều loại: đại học giảng dạy (teaching universities), đại học giảng dạy và nghiên cứu (teaching/research universities), và đại học nghiên cứu (research universities). Về đại thể, người ta vẫn thường hiểu một đại học là giảng dạy nếu số sinh viên sau đại học và thời gian nghiên cứu trên tổng số giờ làm việc của giáo viên không đến 20%, đại học là nghiên cứu nếu số sinh viên sau đại học và số thời gian của giáo viên làm nghiên cứu tối thiểu là 50%. Các đại học tư và đại học vùng miền chủ yếu là các đại học giảng dạy nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển của địa phương, gắn với công nghiệp và kinh tế địa phương. Rõ ràng nhu cầu tiến sĩ của các loại đại học này là khác nhau, và Bộ GD&ĐT rất cần quy hoạch số tiến sĩ đào tạo theo các loại trường này.

Một câu hỏi nữa có thể đặt ra là trong số những người đã được đào tạo tiến sĩ trong hơn hai mươi năm đã qua nhưng hiện không thuộc hệ thống đại học, bao nhiêu người có thể và cần được mời tham gia vào quá trình giảng dạy và đào tạo đại học. Trong số những tiến sĩ đang làm việc ở đại học, bao nhiêu có tham gia làm nghiên cứu

Câu chuyện 20.000 tiến sĩ cũng không thể xét độc lập với

Nếu như các quy định của nhà nước về điều kiện tốt nghiệp tiến sĩ (chuẩn) được thực hiện, nếu như thanh tra bất kỳ một đại học có đào tạo tiến sĩ và một nửa không đạt chuẩn thì ông hiệu trưởng sẽ từ chức, và nếu như một nửa số tiến sĩ đào tạo trong nước theo đề án 2008-2020 không đạt chuẩn thì ông bộ trưởng Bộ GD&ĐT sẽ từ chức (tiếc thay đến đó sẽ là bộ trưởng mới), tôi tin là các kế hoạch sẽ được lập một cách thận trọng hơn. Trao đổi với một số giáo viên đại học, tôi thấy họ đều cười hồ nghi cái dự án này vì họ biết quá rõ khả năng và chất lượng đào tạo của nơi mình.

[1] <http://www.caicachhanhchinh.gov.vn/Vietnam/Documents/StateDocs/722200512141054000/>

[2] <http://www.cand.com.vn/vi-VN/xahoi/2007/9/75609.cand?>

[3] <http://www.tiasang.com.vn/news?id=1771>

[4] <http://www.nld.com.vn/tintuc/giao-duc/177838.asp> (18/1/2007).

[5] <http://vietnamnet.vn/giaoduc/2005/11/508959/> (8/11/2005).

[6] <http://www.hed.edu.vn/TrangChu/LuanAnTienSi/TomTatNhungDiemMoi/>

[7] VietNamNet <http://vietnamnet.vn/khoahoc/vande/2006/01/532815> (15/1/2006).

[8] ViệtNamNet <http://vietnamnet.vn/giaoduc/2005/11/508959/> (8/11/2005).

[9] Người Lao động, <http://www.nld.com.vn/tintuc/giao-duc/177838.asp> (18/1/2007).

